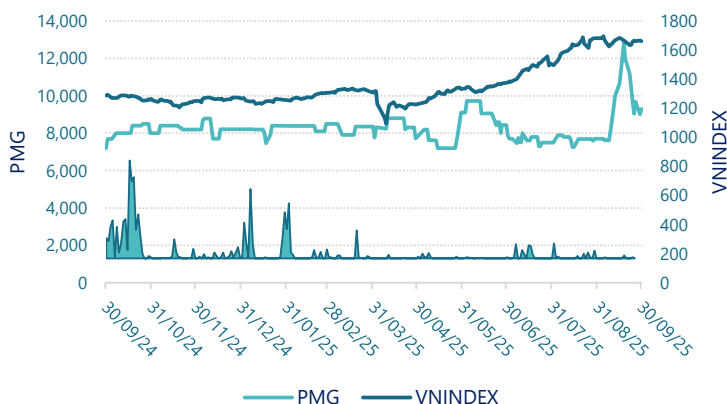


CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (HSX: PMG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200
SL cổ phiếu LH	46,336,278
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,060
% sở hữu nước ngoài	20.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	431
P/E	20.9
EPS	444

DT thuần

Q3/25

423

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -7.5%

YoY: ▼86.0| -16.9%

LN sau thuế

Q3/25

8.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.28| 115%

YoY: ▼5.70| -41.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.5%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

9T 2025

1,363

tỷ VNĐ

YoY: ▼134| -9.0%

LN sau thuế

9T 2025

16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.90| -34.9%

ROE

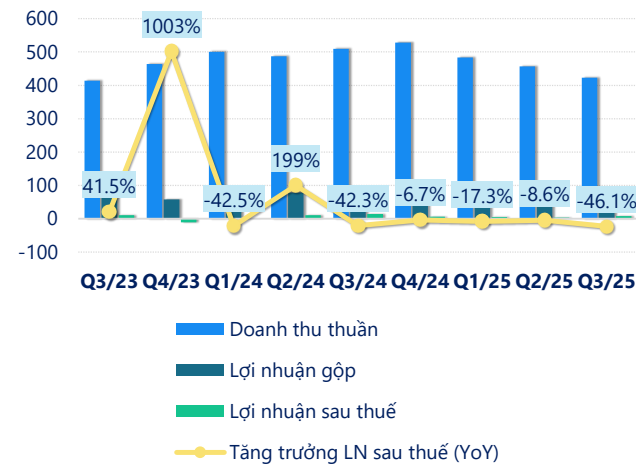
Q3/25

3.1%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

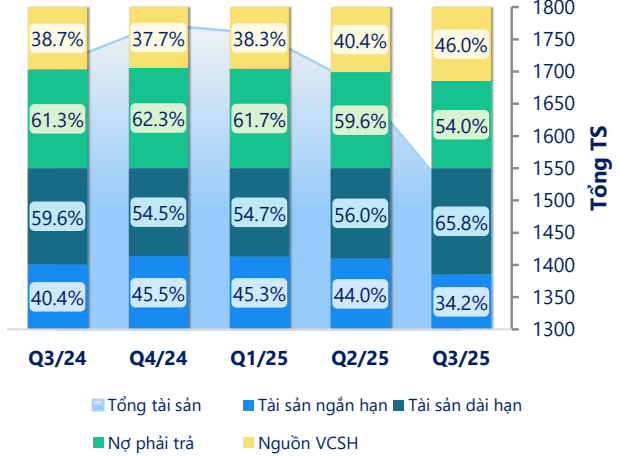
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

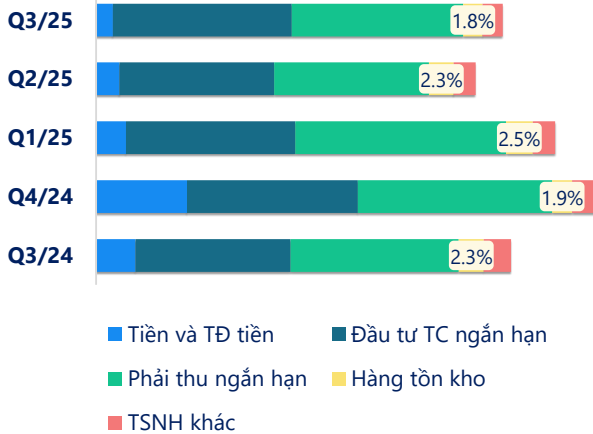
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



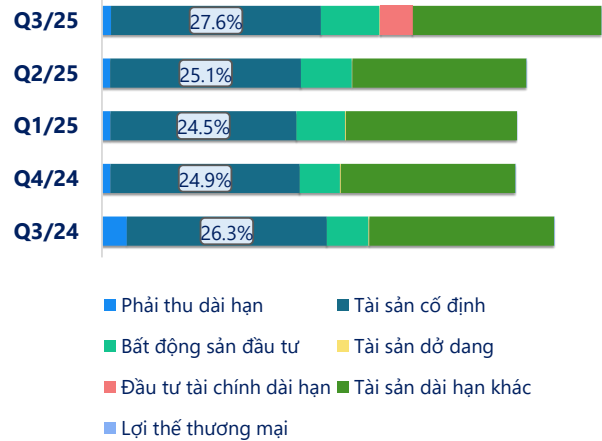
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

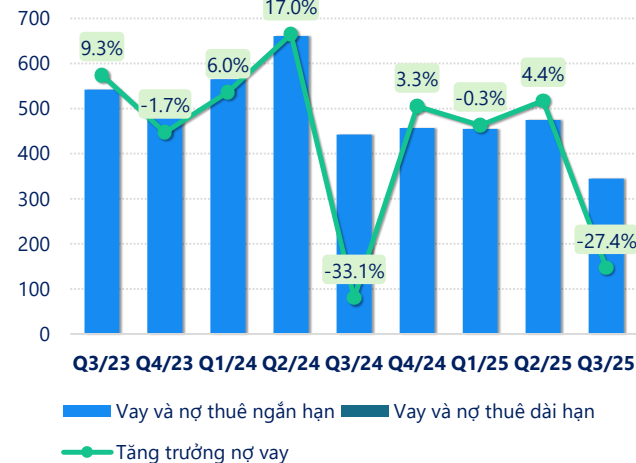
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

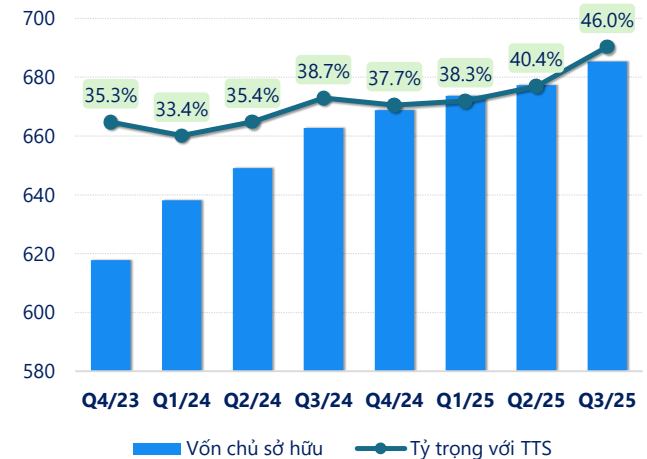
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

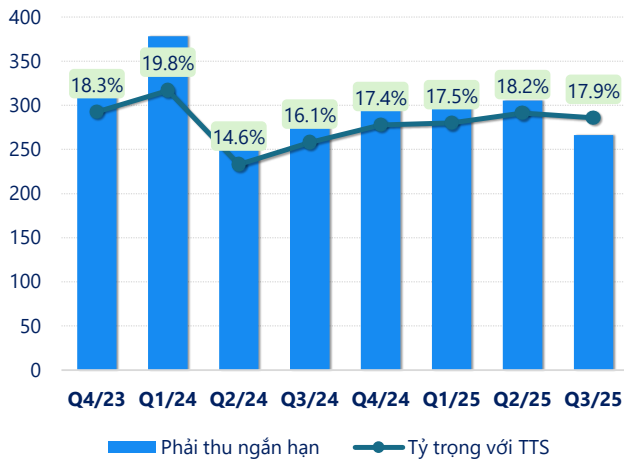
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


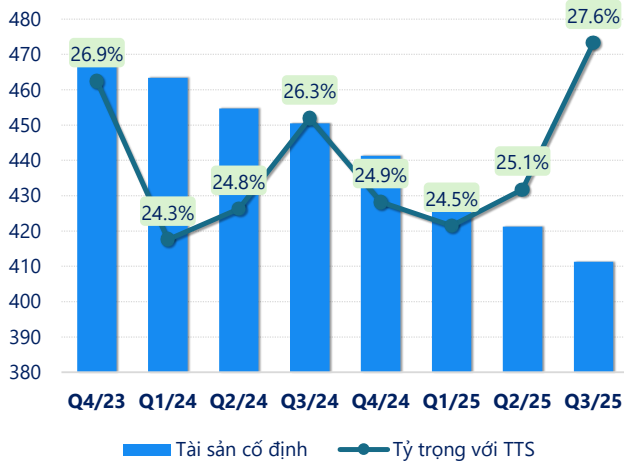
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

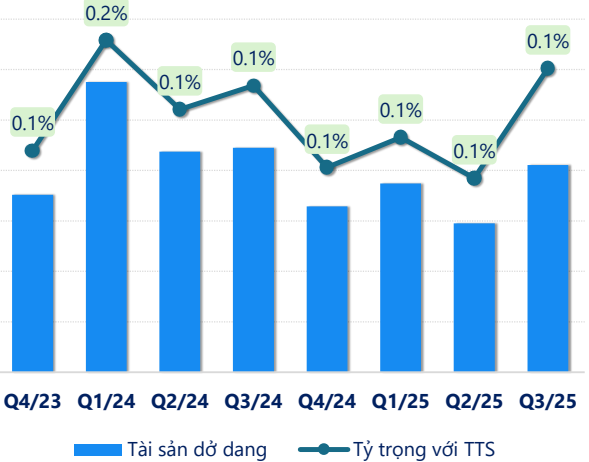

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

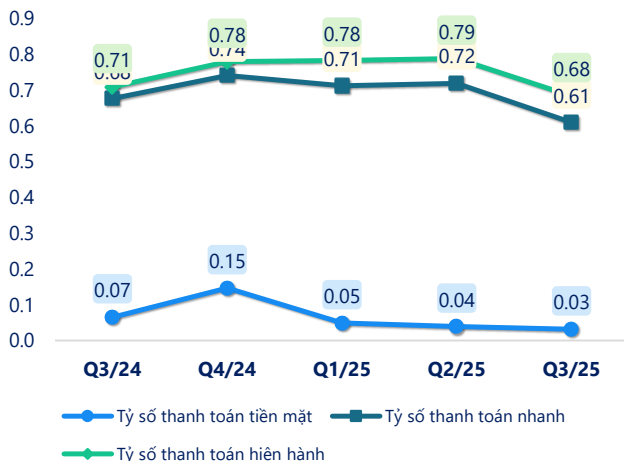
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

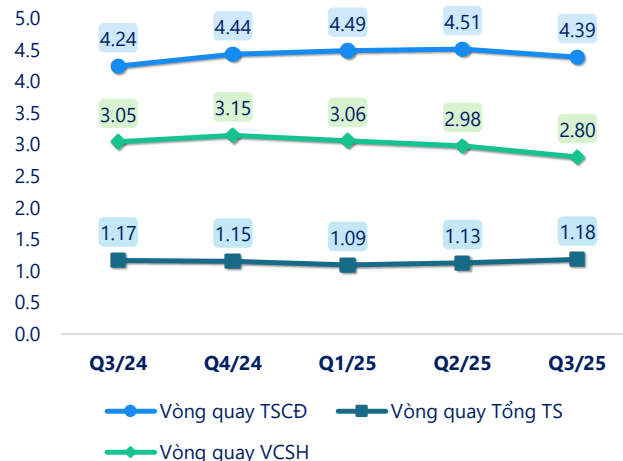
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,712	1,773	1,759	1,678	1,490
Tài sản ngắn hạn	691	807	797	739	510
Tiền và tương đương tiền	63.7	152	49.7	36.8	23.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	288	277	337	304	141
Phải thu ngắn hạn	276	308	308	306	266
Hàng tồn kho	31.4	40.1	71.7	64.8	55.2
Tài sản ngắn hạn khác	32.3	29.4	30.8	27.5	23.5
Tài sản dài hạn	1,021	966	962	939	981
Phải thu dài hạn	56.1	20.0	19.6	18.5	18.1
Tài sản cố định	450	441	431	421	411
Bất động sản đầu tư	94.1	94.1	112	112	115
Tài sản dở dang	2.22	1.64	1.87	1.48	2.05
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	63.0
Tài sản dài hạn khác	416	408	396	384	370
Lợi thế thương mại	1.33	1.20	1.06	0.93	0.80
Nợ phải trả	1,049	1,104	1,086	1,000	805
Nợ ngắn hạn	976	1,035	1,019	938	746
Vay và nợ thuê ngắn hạn	442	457	455	475	345
Phải trả người bán ngắn hạn	515	557	551	446	385
Nợ dài hạn	73.4	69.1	66.6	62.6	59.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	663	669	674	677	685
Vốn chủ sở hữu	663	669	674	677	685
Vốn điều lệ	463	463	463	463	463
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)